

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 374/2025/DS-PT

Ngày: 30/6/2025

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất,
hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất,
tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Ông Nguyễn Chí Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 3, ngày 17 tháng 6, ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 584/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo; Và Quyết định kháng nghị số 158/QĐ-VKS-DS ngày 08/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 05/2025/QĐXXPT-DS ngày 20/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2025/QĐPT-DS ngày 11/02/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 58/2025/QĐ-PT ngày 11/3/2025; Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 282/TB-TA ngày 30/5/2025; Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 316/TB-TA ngày 19/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số B, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Kim L: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số G, ấp V, xã B, huyện L, Đồng Tháp theo hợp đồng ủy quyền ngày 06/11/2025.

3. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Số B, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người giám hộ của bà B: Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1954; địa chỉ: Số B, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Kim L: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số G, ấp V, xã B, huyện L, Đồng Tháp theo hợp đồng ủy quyền ngày 06/11/2025.

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Kim L1, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Huỳnh Văn X, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Bá L2, sinh năm 1960 (Chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Huỳnh Bá L2:

1.1. Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1962.

1.2. Anh Huỳnh Bá T1, sinh năm 1984.

1.3. Anh Huỳnh Quang D1, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Số C, khu phố D, Ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1972.

3. Chị Huỳnh Kim T2, sinh năm 1995.

4. Anh Huỳnh Bá L3, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1961.

6. Chị Huỳnh Thị Kim L4, sinh năm 1999.

7. Anh Huỳnh Kim K, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện hợp pháp của bà H1, chị K, chị L4 là: Ông Huỳnh Kim L1, sinh năm 1954; địa chỉ: Số A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 22/10/2018 và ngày 12/11/2018.

8. Anh Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1977.

9. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1977.

10. Em Nguyễn Thị Kim H3, sinh năm 1999.

11. Em Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 2004.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

12. Người kháng cáo

- Bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị B là nguyên đơn;

- Ông Huỳnh Kim L1, ông Huỳnh Văn X là bị đơn;

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị.

Anh Nguyễn Văn Đ, bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Kim L1, ông Huỳnh Văn X có mặt tại phiên tòa. Riêng ông Huỳnh Văn X vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/6/2025. Các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Các nguyên đơn bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị T, đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Kim L là bà Huỳnh Ngọc S và bà Huỳnh Ngọc S cùng trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Huỳnh Trung T4 chết năm 2002, cụ Đào Thị T5 chết năm 1997. Cụ T4, cụ T5 có 08 người con gồm: Bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Ngọc S, bà Huỳnh Thị B, ông Huỳnh Kim L1, ông Huỳnh Văn X, ông Huỳnh Bá L2 (Chết). Khi còn sống cụ T4 và cụ T5 có tạo lập được 04 thửa đất, diện tích 9.138,3m², gồm: Thửa 17, tờ bản đồ số 57, tổng diện tích 1809,4m²; thửa 700, tờ bản đồ số 50 diện tích 2.242m²; thửa 38, tờ bản đồ số 57, diện tích 2.987,5m²; thửa 160, tờ bản đồ 50, diện tích 2.050m², các thửa đất cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Khi cụ T4, cụ T5 chết không để lại di chúc cho các con và các thửa đất này thì tạm thời để ông L1, ông X quản lý sử dụng. Đến 05/10/2017, ông X lập hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Thanh T6 thửa 160, tờ bản đồ số 50 và ông L1 lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Thanh T6 thửa 700, tờ bản đồ số 50 và ông T6 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, ông X đang quản lý sử dụng và đứng tên thửa đất số 38, tờ bản đồ số 57, trên đất có một căn nhà cấp 04 thì các nguyên đơn không yêu cầu chia giá trị căn nhà, đồng ý để ông X tiếp tục quản lý sử dụng căn nhà này để thờ cúng ông bà. Ông L1 đang quản lý sử dụng và đứng tên thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57. Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế như sau:

Bà Huỳnh Thị M yêu cầu ông X chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 381m^2 , mục đích sử dụng đất CLN, thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ số 57, diện tích theo đo đạc thực tế $2889,8\text{m}^2$ do ông Huỳnh Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Không yêu cầu chia thừa kế thửa 17, tờ bản đồ số 57, diện tích $1809,4\text{m}^2$, do ông X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Bà M không yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thửa 160, tờ bản đồ số 50, theo đo đạc thực tế diện tích 2.078m^2 , mục đích sử dụng đất lúa và không yêu cầu ông L1 chia thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thửa 700, tờ bản đồ số 50, mục đích sử dụng đất lúa.

Bà Huỳnh Ngọc S yêu cầu ông X chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích $226,3\text{m}^2$, mục đích sử dụng đất CLN, đất thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ số 57, theo đo đạc thực tế diện tích $2889,8\text{m}^2$, do ông X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và bà S yêu cầu ông X chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích $256,25\text{m}^2$, đất thuộc một thửa 160, tờ bản đồ số 50, theo đo đạc thực tế diện tích 2.078m^2 , mục đích sử dụng đất lúa, nhưng nhận giá trị đất được chia thành tiền 25.625.000 đồng (Diện tích $256,25\text{m}^2 \times 100.000 \text{ đồng/m}^2$). Bà S yêu cầu ông L1 chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích $280,25\text{m}^2$, thuộc một phần thửa 700, tờ bản đồ số 50, theo đo đạc thực tế diện tích $2395,5\text{m}^2$, mục đích sử dụng đất lúa, nhưng nhận giá trị đất được chia thành tiền 28.025.000 đồng (Diện tích $280,25\text{m}^2 \times 100.000 \text{ đồng/m}^2$).

Bà Huỳnh Thị T yêu cầu ông X chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích $647,6\text{m}^2$, mục đích sử dụng đất CLN, thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ số 57, theo đo đạc thực tế diện tích $2889,8\text{m}^2$, do ông X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và bà T yêu cầu ông X chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích $256,25\text{m}^2$, đất thuộc một thửa 160, tờ bản đồ số 50, theo đo đạc thực tế diện tích 2.078m^2 , mục đích sử

dụng đất lúa, nhưng nhận giá trị đất được chia thành tiền 25.625.000 đồng (Diện tích $256,25\text{m}^2 \times 100.000 \text{ đồng/m}^2$). Bà T yêu cầu ông L1 chia thừa kế quyền quyền sử dụng đất diện tích $280,25\text{m}^2$, thuộc một phần thửa 700, tờ bản đồ 50, theo đo đạc thực tế diện tích $2395,5\text{m}^2$, mục đích sử dụng đất lúa, nhưng nhận giá trị đất được chia thành tiền 28.025.000 đồng (Diện tích $280,25\text{m}^2 \times 100.000 \text{ đồng/m}^2$).

Bà Huỳnh Kim L yêu cầu ông L1 chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích $549,6\text{m}^2$, mục đích sử dụng đất CLN, thuộc một phần thửa 17, tờ bản đồ số 57, theo đo đạc thực tế diện tích $1809,4\text{m}^2$ do ông L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và bà L yêu cầu ông L1 chia thừa kế quyền quyền sử dụng đất diện tích $280,25\text{m}^2$, thuộc một phần thửa 700, tờ bản đồ 50, theo đo đạc thực tế diện tích $2395,5\text{m}^2$, mục đích sử dụng đất lúa, nhưng nhận giá trị đất được chia thành tiền 28.025.000 đồng (Diện tích $280,25\text{m}^2 \times 100.000 \text{ đồng/m}^2$). Bà L yêu cầu ông X chia thừa kế quyền quyền sử dụng đất diện tích $256,25\text{m}^2$, đất thuộc một phần thửa 160, tờ bản đồ 50, theo đo đạc thực tế diện tích 2.078m^2 , mục đích sử dụng đất lúa, nhưng nhận giá trị đất được chia thành tiền 25.625.000 đồng (Diện tích $256,25\text{m}^2 \times 100.000 \text{ đồng/m}^2$).

Bà Huỳnh Thị B yêu cầu ông L1 chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích $538,4\text{m}^2$, mục đích sử dụng đất CLN, thuộc một phần thửa 17, tờ bản đồ số 57, theo đo đạc thực tế diện tích $1809,4\text{m}^2$ do ông L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và bà B yêu cầu ông L1 chia thừa kế quyền quyền sử dụng đất diện tích $280,25\text{m}^2$, thuộc một phần thửa 700, tờ bản đồ số 50, theo đo đạc thực tế diện tích $2395,5\text{m}^2$, mục đích sử dụng đất lúa, nhưng nhận giá trị đất được chia thành tiền 28.025.000 đồng (Diện tích $280,25\text{m}^2 \times 100.000 \text{ đồng/m}^2$). Bà B yêu cầu ông X chia thừa kế quyền quyền sử dụng đất diện tích $256,25\text{m}^2$, đất thuộc một phần thửa 160, tờ bản đồ 50, theo đo đạc thực tế diện tích 2.078m^2 , mục đích sử dụng đất lúa, nhưng nhận giá trị đất được chia thành tiền 25.625.000 đồng (Diện tích $256,25\text{m}^2 \times 100.000 \text{ đồng/m}^2$).

- **Bị đơn ông Huỳnh Kim L1 trình bày:** Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Huỳnh Trung T4, chết năm 2002 cụ Đào Thị T5 chết năm 1997. Cụ T4, cụ T5 có 08 người con gồm: Bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Ngọc S, bà Huỳnh Thị B, ông Huỳnh Kim L1, ông Huỳnh Văn X, ông Huỳnh Bá L2 (Chết). Khi còn sống cụ T4 và cụ T5 có tạo lập được 04 thửa đất, tổng diện tích $9138,3\text{m}^2$, gồm: Thửa 17, tờ bản đồ số 57, diện tích $1809,4\text{m}^2$; thửa 700, tờ bản đồ số 50, diện tích 2.242m^2 ; thửa 38, tờ bản đồ số 57, diện tích $2987,5\text{m}^2$; thửa 160, tờ bản đồ số 50, diện tích 2.050m^2 , các thửa đất cùng tọa lạc

ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc thửa đất 60B, diện tích theo giấy chứng nhận 4.000m², do Tập đoàn T8 là ông Nguyễn Thanh L5 cấp cho hộ ông L5. Năm 1991, ông L5 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 700, tờ bản đồ số 50; đến năm 1993, thì ông L5 trả hoa lợi cho ông Hà Hồng N1 là chủ đất cũ (Chết). Ông L5 canh tác đến năm 2017, thì chuyển nhượng thửa 700, tờ bản đồ số 50 cho ông T6, giá chuyển nhượng ông L5 không nhớ rõ nhưng hơn 400.000.000 đồng. Đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57, diện tích 1809,4m², hiện ông L5 đang quản lý sử dụng đã được cha mẹ cho cất nhà vào năm 1998; đến năm 2007 thì ông L5 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với thửa 116, tờ bản đồ 01A, diện tích 1.100m², thửa 104A, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.700m² và thửa đất số 04b, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.800m² (Hiện do bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là của ông nội ông L5 tên là cụ Huỳnh Văn C đứng tên, cho bà M canh tác năm 1976 đến nay. Đối với thửa 163, tờ bản đồ số 50 (Do bà T đứng tên) các thửa đất này cùng tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp thì ông L5 không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này. Nếu có yêu cầu thì ông L5 khởi kiện bằng vụ án khác. Về sơ đồ đo đạc đất, biên bản thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp thì ông L5 thống nhất.

Nay ông L5 không đồng ý trả lại giá trị đất thuộc thửa 700, tờ bản đồ 50 cho bà L, bà S, bà T, bà B, lí do đất này đã được mẹ ruột là cụ T5 cho ông L5 đứng tên đất canh tác từ trước đến nay. Ông L5 không đồng ý chia thừa kế thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57 theo yêu cầu của bà L, B. Ông L5 đồng ý chia thừa kế quyền sử dụng đất cho bà L chiều ngang 07m, chiều dài 30m (Đất giáp đất ông H4), về cây trồng trên đất thì ông L5 không yêu cầu bà L trả giá trị cây trồng. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà B, bà L thì ông L5 không yêu cầu bồi thường giá trị cây trồng trên đất tranh chấp và tiền san lấp, ông L5 sẽ thỏa thuận sau.

- Bị đơn là ông Huỳnh Văn X có đơn xin vắng mặt, nhưng theo biên bản ghi lời khai trình bày: Cha là cụ Huỳnh Trung T4, sinh năm 1930 chết khoảng 20 năm; mẹ là cụ Đào Thị T5, sinh năm 1930 chết khoảng 23 năm. Cha mẹ ông X có 08 người con: Bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Ngọc S, bà Huỳnh Thị B, ông Huỳnh Kim L1, ông Huỳnh Văn X, ông Huỳnh Bá L2 (Chết); ông Huỳnh Bá L2 có 02 người con và hiện đang sống ở Đồng Nai. Hiện em gái là bà B đang bị bệnh, bà B, bà T đang ở chung nhà với ông X từ nhỏ đến nay. Cha mẹ ông X mất để lại 03 thửa đất gồm thửa 60B, diện tích 4.000m², thửa 177B, diện tích 1.000m² và thửa 177A, diện tích 1.400m². Khi cha mẹ chết thì ông L1 cùng các anh em làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất. Thửa 60B tách thành hai thửa: Thửa 397 và thửa 396. Ông L1 được sử dụng thửa 397, diện tích 2.423m², còn ông X được sử dụng thửa 396, diện tích 2.050m². Còn

thửa 177A, làm thủ tục thừa kế cho ông X, còn thửa 177B làm thủ tục thừa kế cho ông L1. Năm 1986, ông X sống chung với cha mẹ và các anh em trong gia đình, chỉ có bà M có chồng ở riêng và bà L sinh sống trong chùa. Khoảng năm 1986, vô tập đoàn canh tác lúa nhưng không hiệu quả. Khi không còn làm tập đoàn thì tập đoàn khoán lại cho gia đình ông X diện tích 4.000m², thửa 60B đất canh tác, đất này có nguồn gốc của ông Hà Hồng N1 (chết).

Thời điểm này trong gia đình có 05 người gồm: Bà T, bà S, bà B, ông X, ông L1, phần đất thuộc thửa 60B gia đình canh tác khoảng 20 năm. Thời điểm cụ T5 vay tiền ngân hàng số tiền vốn 15.000.000 đồng để cho ông L1 mua bán phân, kinh doanh lỗ mất vốn, còn số tiền trả cho ông N1 thì không nhớ ai trả, nhưng trả mỗi công tầm nhỏ là 2.000.000 đồng. Do ông X là con trai út trong nhà nên được chia đất ruộng diện tích hơn 2.000m² để canh tác, các anh em yêu cầu chia thừa kế phần đất ruộng ông X không đồng ý, do đất này ông X bán cho ông T6 được 420.000.000 đồng, bán khoảng năm 2017. Số tiền bán đất ông X sửa nhà hơn 200.000.000 đồng, phần còn lại ông X nuôi bà B, bà T ở chung 20 mấy năm. Nên việc bà T, bà M, bà L, bà S yêu cầu chia giá trị đất mỗi người 25.625.000 đồng, ông X không đồng ý. Biên bản thỏa thuận giá ngày 05/01/2023, giữa các nguyên đơn và ông L1 thỏa thuận giá đất và cây trồng trên đất thì ông X thống nhất giá theo biên bản thỏa thuận giá.

Bà S yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 226,3m² thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ số 57 do ông X đứng tên, ông X đồng ý chia cho bà S, cây trên đất thì bà S được quyền sử dụng, không yêu cầu trả giá trị cây trồng. Phần bà S được chia có dính chuồng heo cũ, ông X tự nguyện di dời không yêu cầu bồi thường.

Bà T yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 647,6m² thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ số 57 do ông X đứng tên, nhưng theo phần được chia thừa kế diện tích 361m², phần diện tích dư ông X không yêu cầu trả giá trị, ông X đồng ý theo yêu cầu của bà T chia diện tích 647,6m². Về cây trồng trên đất thì bà T được quyền sử dụng, không yêu cầu trả giá trị.

Bà M yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 381m², thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ số 57 do ông X đứng tên. Ông X không đồng ý chia đất cho bà M, lí do đã chia quyền sử dụng đất rồi. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà M thì bà M phải tự nguyện trả lại giá trị đất vượt quá phần được chia và cây trồng trên đất theo Biên bản thỏa thuận giá ngày 05/01/2023. Nếu bà M không tự nguyện trả giá trị cây và đất thì ông X cũng không yêu cầu trong vụ án này, sẽ khởi kiện vụ án khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Ngọc H2, chị Nguyễn Thị T3 trình bày: Vào năm 2016, anh H2, chị T3 có chuyển nhượng của hộ ông L1 một nền nhà chiều ngang 5m, chiều dài 22m, diện tích 110m², thuộc một phần thửa 17, tờ bản đồ số 57, do ông L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá chuyển nhượng là 44.000.000 đồng, việc chuyển nhượng không có làm giấy tờ. Khi chuyển nhượng đất xong thì vợ chồng anh H2, chị T3 đã xây dựng 01 căn nhà cấp 4, khung bê tông cốt thép, nền gạch, vách tường, mái thiết, xây dựng năm 2016. Anh H2, chị T3 yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh H2, chị T3 với hộ ông L1 một nền nhà chiều ngang 5m, chiều dài 22m, diện tích 110m², thuộc một phần thửa 17, tờ bản đồ số 57, do ông L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H, chị Huỳnh Kim T7, anh Huỳnh Bá L3, bà Trần Thị Ngọc D, anh Huỳnh Bá T1, anh Huỳnh Quang D1, em Nguyễn Thị Kim H3, em Nguyễn Thị Kim N có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò đã xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc S, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị B.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Bá L2.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc H2, chị Nguyễn Thị T3.

Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Ngọc S, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị M.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị Kim L.

Ghi nhận sự tự nguyện giữa bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Ngọc S với ông Huỳnh Văn X

Bà Huỳnh Thị T được quyền sử dụng diện tích 665,3m², mục đích sử dụng đất CLN, trong phạm vi các mốc M10, M11, M22, M20, M21, M33, M32 về M10, thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57, theo đo đạc thực tế diện tích 2.889,8m², do ông Huỳnh Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Huỳnh Thị M được quyền sử dụng diện tích 381m², trong phạm vi các mốc M11, M12, M23, M24, M19, M20, M22, về M11, mục đích sử dụng đất

CLN, thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57, diện tích theo đo đạc thực tế 2.889,8m² do ông Huỳnh Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Huỳnh Ngọc S được quyền sử dụng diện tích 226,3m², mục đích sử dụng đất CLN, trong phạm vi các mốc M13, M27, M26, M25, M16, M15, M14 về M13, đất thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57, theo đo đạc thực tế diện tích 2.889,8m², do ông Huỳnh Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi diện tích 665,3m², mục đích sử dụng đất CLN, trong phạm vi các mốc M10, M11, M22, M20, M21, M33, M32 về M10, thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57, theo đo đạc thực tế diện tích 2889,8m², do ông Huỳnh Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho bà Huỳnh Thị Tuyết .

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi diện tích 381m², mục đích sử dụng đất CLN, trong phạm vi các mốc M11, M12, M23, M24, M19, M20, M22, về M11, thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57, diện tích theo đo đạc thực tế 2889,8m² do ông Huỳnh Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho bà Huỳnh Thị M.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi diện tích 226,3m², mục đích sử dụng đất CLN, trong phạm vi các mốc M13, M27, M26, M25, M16, M15, M14 về M13, đất thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57, theo đo đạc thực tế diện tích 2889,8m², do ông Huỳnh Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho bà Huỳnh Ngọc S.

Ông Huỳnh Văn X được quyền sử dụng diện tích 1561,5m², mục đích sử dụng đất ở diện tích 300m², còn lại cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M12, M23, M24, M19, M18, M17, M16, M25, M26, M27, M13 về M12, đất thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57, theo đo đạc thực tế diện tích 2889,8m², do ông Huỳnh Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Huỳnh Thị Kim L được quyền sử dụng diện tích 245m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M6, M34, M35, M36, về M6, đất thuộc một phần thửa 17, tờ bản đồ 57, theo đo đạc thực tế diện tích 1809,4m², do ông Huỳnh Kim L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi diện tích 245m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M6, M34, M35, M36, về M6, đất thuộc một phần thửa 17, tờ bản đồ 57, theo đo đạc thực tế diện tích 1809,4m², do ông Huỳnh Kim L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho bà Huỳnh Thị Kim L.

Ông Huỳnh Kim L1 được quyền sử dụng diện tích 1.564m², mục đích sử dụng đất cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M34, M7, M8, M9, M1, M2, M3, M4, M5, M36, M35 về M34, đất thuộc một phần thửa 17, tờ bản đồ 57, theo đo đạc thực tế diện tích 1809,4m², do ông Huỳnh Kim L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Các bên đương sự có nghĩa vụ tôn trọng di dời các tài sản, công trình và vật kiến trúc khác của mình có trên phần đất vượt quá phạm vi ranh đất đã được xác định.

Buộc ông Huỳnh Văn X có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị T số tiền được chia thừa kế quyền sử dụng đất là 25.625.000 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc ông Huỳnh Văn X có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền được chia thừa kế quyền sử dụng đất là 25.625.000 đồng. (Hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc ông Huỳnh Văn X có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Ngọc S số tiền được chia thừa kế quyền sử dụng đất là 25.625.000 đồng. (Hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc ông Huỳnh Văn X có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B số tiền được chia thừa kế quyền sử dụng đất là 25.625.000 đồng. (Hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc ông Huỳnh Kim L1 có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B số tiền được chia thừa kế quyền sử dụng đất là 50.625.000 đồng (Năm mươi triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Giám hộ cho bà Huỳnh Thị B là bà Huỳnh Thị Kim L quản lý tiền cho bà Huỳnh Thị B chỉ được sử dụng tiền để chăm sóc, chi dùng cho những yêu cầu thiết yếu theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Huỳnh Kim L1 có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị T số tiền được chia thừa kế quyền sử dụng đất là 28.025.000 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc ông Huỳnh Kim L1 có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Kim L số tiền được chia thừa kế quyền sử dụng đất là 28.025.000 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc ông Huỳnh Kim L1 có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Ngọc S số tiền được chia thừa kế quyền sử dụng đất là 28.025.000 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bà Huỳnh Thị T trả cho ông Huỳnh Văn X giá trị quyền sử dụng đất số tiền 1.770.000 đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

Buộc bà Huỳnh Thị M trả cho ông Huỳnh Văn X1 giá trị quyền sử dụng đất số tiền 1.980.000 đồng và giá trị cây trồng 11.700.000 đồng, tổng cộng 13.680.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị M được quyền sử dụng 08 cây chuối lớn, 10 cây chuối nhỏ, 01 cây mần cầu ta, 03 cây xoài lớn, 13 cây xoài nhỏ, 02 cây dừa, 01 cây vú sữa.

Buộc ông Huỳnh Văn X di dời 01 cây khế, 08 cây phát tài, 04 cây cọ và 16 cây đinh lăng ra khỏi phần đất của bà Huỳnh Thị M được chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 381m², trong phạm vi các mốc M11, M12, M23, M24, M19, M20, M22, về M11, mục đích sử dụng đất CLN, thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/01/2019, 19/12/2019, 16/3/2022, 13/3/2023, 23/10/2023, 19/3/2024, 20/6/2024, 11/7/2024 và sơ đồ đo đạc đất ngày 18/9/2024).

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai và điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn X nộp 20.547.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Ngọc S, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị B, ông Huỳnh Kim L1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Ngọc S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.948.000 đồng theo lai thu số 0002985 ngày 31/8/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Ngọc H2, chị Nguyễn Thị T3 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0003601 ngày 29/01/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Huỳnh Ngọc S nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 14.036.000 đồng đã nộp và chi xong. Nên buộc bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Kim L, Huỳnh Thị B, ông Huỳnh Kim L1, ông Huỳnh Văn X mỗi người trả lại cho bà Huỳnh Ngọc S chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.005.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 01/10/2024, Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị Kim L, là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất 38, 17, tờ bản đồ số 57 chia cho bà L phần diện tích 538,4m² đất thuộc thửa 17, tờ bản đồ số 57 theo các mốc M3, M7, M8 theo sơ đồ đo đạc ngày 03/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng, đăng ký đất đai huyện L.

- Bà Huỳnh Thị B (Người giám hộ là bà Huỳnh Thị Kim L) yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B, chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất 38, 17, tờ bản đồ số 57 chia cho bà B phần diện tích 549,6m² đất thuộc thửa 17, tờ bản đồ số 57 theo các mốc M2, M3, M6, M7 theo sơ đồ đo đạc ngày 03/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

- Ngày 04/10/2024 ông Huỳnh Văn X kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

+ Ông Huỳnh Văn X không đồng ý chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 381m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 38, tờ bản đồ số 57 cho bà Huỳnh Thị M.

+ Ông Huỳnh Văn X không đồng ý chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 665,3m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 38, tờ bản đồ số 57 cho bà Huỳnh Thị Tuyết . Ông X đồng ý chia thừa kế cho bà T diện tích là 361,225m².

+ Ông Huỳnh Văn X không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị S1, bà Huỳnh Thị B mỗi người số tiền 25.625.000 đồng.

+ Ông Huỳnh Văn X không đồng ý nộp 20.547.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngày 04/10/2024 ông Huỳnh Kim L1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

+ Ông Huỳnh Kim L1 không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B số tiền 50.625.000 đồng.

+ Ông Huỳnh Kim L1 không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị S1 mỗi người số tiền 28.025.000 đồng.

- Quyết định kháng nghị số 158/QĐ-VKS-DS ngày 08/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm

Bà L là người giám hộ của bà B, người đại diện theo ủy quyền của bà L rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu chia thừa kế về giá trị quyền sử dụng đất thửa 160 và thửa 700.

Ông X thay đổi yêu cầu kháng cáo: Ông X đồng ý chia thừa kế cho bà Huỳnh Thị T diện tích đất 665,3m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 38, tờ bản đồ số 57 và đồng ý chia cho bà S1 100m² loại đất ở nông thôn trong diện tích 226,3m² mà bà S1 được hưởng.

Ông L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 158/QĐ-VKS-DS ngày 08/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ việc đến khi nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo hướng chấp nhận kháng cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Kim L, Huỳnh Thị B là nguyên đơn; Ông Huỳnh Kim L1, ông Huỳnh Văn X là bị đơn kháng cáo; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 280, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2]. Xét bà Huỳnh Thị Kim L, Huỳnh Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa một phần bản án sơ thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Văn Đ là người đại diện của bà L, bà B rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế về giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa 160, 700, tờ bản đồ số 50 là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử hủy đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này của bà B, bà L.

Xét bà L yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật diện tích 538,4m² đất thuộc thửa 17, tờ bản đồ số 57 theo các mốc M2, M3, M7, M8 theo sơ đồ đo đạc ngày 03/11/2023; bà B diện tích 549,6m² đất thuộc thửa 17, tờ bản đồ số 57 nằm trong các mốc M3, M4, M5, M6, M7 theo sơ đồ đo đạc ngày 29/3/2023. Tại giai đoạn phúc bà L, bà B đồng ý đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.088m² (538,4m² + 549,6m²) nằm trong các mốc M2, M3, M4, M5, M6 theo sơ đồ đo đạc ngày 09/6/2025.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Huỳnh Trung T4 và cụ Đào Thị T5, Cụ T4 và cụ T5 chung sống với nhau có 08 người con gồm: Bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Ngọc S, bà Huỳnh Thị B, ông Huỳnh Kim L1, ông Huỳnh Văn X, ông Huỳnh Bá L2 (chết) người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Bá L2 có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế từ cụ T4 và cụ T5.

Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản của cụ T4, T5 làm 8 kỷ phần là chưa phù hợp bởi ông Huỳnh Bá L2 (chết) người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Bá L2 có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế từ cụ T4 và cụ T5. Do đó xác định di sản của của T4 và cụ T5 chia thành 7 kỷ phần.

Di sản của cụ T4, T5 còn lại tổng diện tích $4.699,2\text{m}^2$ gồm: Diện tích $1.809,4\text{m}^2$ thuộc thửa 17, tờ bản đồ số 57 và diện tích $2.987,5\text{m}^2$ thửa 38, tờ bản đồ số 57. Mỗi kỷ phần là $671,3\text{m}^2$ ($4.699,2\text{m}^2/7$).

Bà Huỳnh Thị Kim L yêu cầu ông Huỳnh Kim L1 chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích $538,4\text{m}^2$ và bà Huỳnh Thị B yêu cầu ông Huỳnh Kim L1 chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích $549,6\text{m}^2$ thuộc một phần thửa 17, tờ bản đồ 57.

Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà Huỳnh Thị Kim L được quyền sử dụng diện tích 245m^2 , mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M6, M34, M35, M36, về M6, đất thuộc một phần thửa 17, tờ bản đồ 57. Buộc ông Huỳnh Kim L1 có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B số tiền được chia thừa kế quyền sử dụng đất là 50.625.000 đồng và giao bà Huỳnh Thị Kim L là người giám hộ cho bà B là quản lý tiền số tiền nêu trên là không phù hợp. Bởi bà B và bà L đều yêu cầu nhận đất đồng thời yêu cầu được đứng tên đồng sở hữu. Di sản của cụ T4, Thêm $4.699,2\text{m}^2/7 = 671,3\text{m}^2$. Tuy nhiên, bà B $549,6\text{m}^2$ và bà L yêu cầu $538,4\text{m}^2$ là ít hơn so với một kỷ phần được hưởng. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà L, B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Xét ông Huỳnh Văn X kháng cáo yêu cầu không đồng ý chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 381m^2 , mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 38, tờ bản đồ số 57 cho bà Huỳnh Thị M; ông Huỳnh Văn X không đồng ý chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích $665,3\text{m}^2$, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 38, tờ bản đồ số 57 cho bà Huỳnh Thị Tuyết . Ông X đồng ý chia thừa kế cho bà T diện tích là $361,225\text{m}^2$; ông Huỳnh Văn X không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà T, bà L, bà S, bà B mỗi người số tiền 25.625.000 đồng và ông Huỳnh Văn X không đồng ý nộp 20.547.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/6/2025 ông X đồng ý chia thừa kế diện tích 665,3m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 38, tờ bản đồ số 57 cho bà Huỳnh Thị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông X.

Đối với việc ông X không đồng ý chia thừa kế diện tích 381m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 38, tờ bản đồ số 57 cho bà Huỳnh Thị M và không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà T, bà L, bà S, bà B mỗi người số tiền 25.625.000 đồng. Ông X cho rằng khi còn sống cụ T4, T5 đã chia đất cho bà M nhưng ông X không có chứng cứ chứng minh. Đồng thời các đương sự đều thừa nhận tổng diện tích 4.699,2m² thuộc các thửa 17, 38 tờ bản đồ số 57 là di sản của cụ T4, T5 do đó bà M yêu cầu được chia thừa kế diện tích 381m², giai đoạn phúc thẩm bà M chỉ yêu cầu chia diện tích 343,2m² ít hơn một kỷ phần bà M được hưởng (671,3m²) là có lợi cho ông X nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Huỳnh Văn X không đồng ý nộp 20.547.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 định về vụ án liên quan đến chia tài sản chung, di sản thừa kế thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau:

“a) Khi các bên đương sự không xác định được phần tài sản của mình hoặc mỗi người xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phần di sản của mình trong khối di sản thừa kế là khác nhau và có một trong các bên yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, di sản thừa kế đó thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trường hợp Tòa án xác định tài sản chung, di sản thừa kế mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch; Do đó ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét Huỳnh Văn X không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà T, bà L, bà S, bà B. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa các đương sự thừa nhận diện tích 2.242m² thửa 700, tờ bản đồ số 50 và diện tích 2.050m² thửa 160, tờ bản đồ 50 (hai thửa đất này ông X, L1 đã bán) trước đây ông L1 là người bỏ tiền ra trả thành quả lao động cho ông N1 theo quyết định số 51/QĐ-UB ngày 21/10/2003 của UBND xã B. Do đó hai thửa đất này xác định không phải là di sản của cụ T4 và cụ T5 nên ông L1, ông X không phải trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà T, S

(bà L, bà B đã rút yêu cầu). Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn X là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần.

[4]. Xét kháng cáo của ông Huỳnh Kim L1, ông L1 không đồng ý chia giá trị quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B số tiền 50.625.000 đồng và không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà T, S (bà L đã rút yêu cầu) mỗi người 28.025.000 đồng. Như nhận định tại mục [2], [3] của bản án xét yêu cầu kháng cáo của ông L1 là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần.

[5] Xét Quyết định kháng nghị số 158/QĐ-VKS-DS ngày 08/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp cho rằng: Căn cứ vào văn bản phân chia thừa kế ngày 13/7/2017 có ông L1, X, T, B, S ký tên. Riêng bà M và bà L không ký tên. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho bà T, B, S là không phù hợp vì bà B, S, T đã ký tên vào Văn bản phân chia thừa kế ngày 13/7/2017. Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy bà S, T có ký tên vào văn bản phân chia thừa kế ngày 13/7/2017 nhưng tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm ông X đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của bà T, bà S nên ghi nhận sự tự nguyện của ông X. Tại bản án số 08/2018/QĐDS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò tuyên bố bà B là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi mặc dù sau ngày văn bản phân chia thừa kế ngày 13/7/2017. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông X, L1, T và người đại diện theo ủy quyền của bà L cũng thừa nhận bà B đã bị bệnh tâm thần từ năm 2004 nên Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho bà B là phù hợp với thực tế khách quan.

Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà Huỳnh Thị T được quyền sử dụng diện tích 665,3m², mục đích sử dụng đất CLN, bà Huỳnh Thị M được quyền sử dụng diện tích 381m², mục đích sử dụng đất CLN, thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57, bà Huỳnh Ngọc S được quyền sử dụng diện tích 226,3m², mục đích sử dụng đất CLN, đất thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57 là không đủ diện tích tách thửa đất theo Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm ông X tự nguyện chia cho bà Huỳnh Ngọc S được quyền sử dụng diện tích 226,3m², trong đó có 100m² đất ở nông thôn nên ghi nhận sự tự nguyện của ông X. Đối với phần diện tích chia cho bà M, T thì bà M, bà T đồng ý đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ những nhận định trên và nhận định tại mục [2], [3] của bản án xét thấy quyết định kháng nghị số 158/QĐ-VKS-DS ngày 08/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần.

[6]. Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, B; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn X, Huỳnh Kim L1 và chấp nhận một phần

quyết định kháng nghị số 158/QĐ-VKS-DS ngày 08/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp nên sửa bản án dân sự sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò. Do sửa án nên sửa án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần như nhận định nêu trên.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà L, B được chấp nhận và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông L1, ông X nên bà L, B, L1, X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[9]. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy, đình chỉ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị Kim L đối với thửa 160 và thửa 700.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị Kim L đối yêu cầu ông Huỳnh Kim L1 chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa 17, tờ bản đồ số 57 do ông L1 đứng tên.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn X, ông Huỳnh Kim L1.

4. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 158/QĐ-VKS-DS ngày 08/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

5. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc S, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị B.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Bá L2.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc H2, chị Nguyễn Thị T3.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Huỳnh Ngọc S, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị M.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị Kim L.

Ghi nhận sự tự nguyện giữa bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Ngọc S với ông Huỳnh Văn X.

Ông Huỳnh Văn X đồng ý chia cho bà Huỳnh Thị T diện tích $665,3\text{m}^2$ và buộc ông Huỳnh Văn X chia cho bà Huỳnh Thị M diện tích $343,2\text{m}^2$. Bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị M được đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích $1.008,5\text{m}^2$ ($665,3\text{m}^2 + 343,2\text{m}^2$), mục đích sử dụng đất CLN, trong phạm vi các mốc M8, M9, M20, M21, M16, M17, M18, M19 về M8, thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57 do ông Huỳnh Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Huỳnh Văn X đồng ý chia cho bà Huỳnh Ngọc S diện tích 100m^2 , loại đất ở nông thôn và $126,3\text{m}^2$, mục đích sử dụng đất CLN. Tổng cộng là $226,3\text{m}^2$ nằm trong phạm vi các mốc M10, M12, M13, M14, M24, M23, M22 về M10, thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57 do ông Huỳnh Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Huỳnh Văn X được chia quyền sử dụng đất diện tích 200m^2 , loại đất ở nông thôn và diện tích $1.455,4\text{m}^2$, loại đất cây lâu năm. Tổng diện tích $1.655,4\text{m}^2$ ($200\text{m}^2 + 1.455,4\text{m}^2$) trong phạm vi các mốc M9, M10, M22, M23, M24, M13, M14, M15, M16, M21, M20 về M9, thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57, do ông Huỳnh Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Huỳnh Văn X đứng tên thuộc thửa 38, tờ bản đồ 57, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Ngọc S và ông Huỳnh Văn X theo bản án đã tuyên.

Buộc ông Huỳnh Văn L6 chia thừa kế quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị Kim L diện tích 538,4m², bà Huỳnh Thị B diện tích 549,6m². Bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị B được đứng tên chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.088,0m² (538,4m² + 549,6m²), loại đất trồng cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M2, M3, M4, M5, M6 về M2, thuộc một phần thửa 17, tờ bản đồ 57, do ông Huỳnh Kim L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Huỳnh Kim L1 được chia quyền sử dụng diện tích 721,0m², mục đích sử dụng đất cây lâu năm, trong phạm vi các mốc M1, M2, M6, M7 về M1 đất thuộc một phần thửa 17, tờ bản đồ 57, do ông Huỳnh Kim L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Huỳnh Văn L6 đứng tên thuộc thửa 17, tờ bản đồ 57, đất tọa lạc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị B và ông Huỳnh Văn L6 theo bản án đã tuyên.

Các bên đương sự có nghĩa vụ tôn trọng di dời các tài sản, công trình và vật kiến trúc khác của mình có trên phần đất vượt quá phạm vi ranh đất đã được xác định.

Buộc bà Huỳnh Thị M và bà Huỳnh Thị T trả cho ông Huỳnh Văn X giá trị cây trồng 11.700.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị M và bà Huỳnh Thị T được quyền sử dụng 08 cây chuối lớn, 10 cây chuối nhỏ, 01 cây mần cầu ta, 03 cây xoài lớn, 13 cây xoài nhỏ, 02 cây dừa, 01 cây vú sữa.

Buộc ông Huỳnh Văn X di dời 01 cây khế, 08 cây phát tài, 04 cây cọ và 16 cây đinh lăng ra khỏi phần đất của bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị T được chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 1.008,5m², loại đất CLN, trong phạm vi các mốc M8, M9, M20, M21, M16, M17, M18, M19 về M8, mục đích sử dụng đất CLN, thuộc một phần thửa 38, tờ bản đồ 57.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/01/2019, 19/12/2019, 16/3/2022, 13/3/2023, 23/10/2023, 19/3/2024, 20/6/2024, 11/7/2024, ngày 27/5/2025 và sơ đồ đo đạc đất ngày 18/9/2024, ngày 09/6/2025).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn X nộp 12.277.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Ngọc S, bà Huỳnh Thị Kim L, bà Huỳnh Thị B, ông Huỳnh Kim L1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Ngọc S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.948.000 đồng theo lai thu số 0002985 ngày 31/8/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Ngọc H2, chị Nguyễn Thị T3 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0003601 ngày 29/01/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản

Bà Huỳnh Ngọc S nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 14.036.000 đồng đã nộp và chi xong. Nên buộc bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Kim L, Huỳnh Thị B, ông Huỳnh Kim L1, ông Huỳnh Văn X mỗi người trả lại cho bà Huỳnh Ngọc S chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.005.000 đồng. Bà Huỳnh Ngọc S phải chịu 2.005.000 đồng.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn X số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015127 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

9. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng TT KT và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lấp Vò;
- Chi Cục THADS huyện Lấp Vò;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước